

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 6

Bài 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG ĐỌC

Phần hướng dẫn

- Mỗi bài học sẽ hướng đến một chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi, thiết thực trong cuộc sống của các em. Ở Bài 1, các em đã được tìm hiểu về truyền thuyết, một thể loại văn học dân gian kể về các nhân vật, sự kiện liên quan đến lịch sử đất nước. Bài 2, các em đến với *Miền cổ tích*, học được nhiều bài học sâu sắc về đạo lí làm người. Đến với **Bài 3**, các em sẽ bước vào hành trình khám phá *Vẽ đẹp quê hương*. Nhắc đến quê hương, ta không thể quên nơi ta sinh ra và lớn lên, nơi chôn rau cắt rốn của ta. Quê hương cho ta những kỷ niệm ngọt ngào, cho ta tuổi thơ tươi đẹp. Quê hương dạy ta những bài học làm người đầy ý nghĩa, để cho ta lớn khôn và trưởng thành.

- Cấu trúc một bài học gồm các phần: **Đọc – Tiếng Việt – Viết – Nói và nghe.**

- Dưới đây là **Hướng dẫn tự học** phần **Đọc** theo trình tự nội dung và thời lượng (gọi ý) như sau:

- Tri thức đọc hiểu (15 phút)
- Văn bản 1: **Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương** (120 phút)
- Văn bản 2: **Việt Nam quê hương ta** (90 phút)
- Đọc kết nối chủ điểm: **Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng...(45 phút)**
- Đọc mở rộng theo thể loại: **Hoa bìm** (45 phút)

- Phiếu gồm **Hướng dẫn tự học** có 2 cột: một, **Hướng dẫn học tập** và hai là **Kết quả dự kiến**.

- Trước hết, em hãy che đi phần **Kết quả dự kiến**. Sau khi đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần **Hướng dẫn học tập**, em đối chiếu câu trả lời của mình với **Kết quả dự kiến**.

- Em đừng quá băn khoăn khi câu trả lời của em chưa trùng khớp hoàn toàn với **Kết quả dự kiến**. Đó là điều hết sức bình thường trong học tập nói riêng và nghiên cứu khoa học nói chung. Việc em cần làm là phân tích lại yêu cầu của câu hỏi, đối chiếu cách hiểu của mình với cách lý giải của giáo viên. Từ đó, em sẽ có đáp án cho riêng mình, hình thành hệ kiến thức mới dựa trên kinh nghiệm của bản thân và nội dung bài học.

- Trong quá trình tự học, sau khi đã chủ động tìm hiểu suy ngẫm, nếu vẫn còn điều thắc mắc, em hãy ghi vào mẫu phiếu (đính kèm sau mỗi bài học) và gửi về cho giáo viên để nhận sự hỗ trợ.

- **Chúc các em học tập thật tốt nhé!**

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	KẾT QUẢ DỰ KIẾN
TRI THỨC ĐỌC HIỂU	
Em hãy đọc phần Tri thức đọc hiểu trong SGK trang 60 và tái hiện lại kiến thức bằng cách trả lời các câu hỏi sau: + Thế nào là thơ lục bát? Lục bát biến thể là gì? (Khái niệm)	Tri thức đọc hiểu (SGK trang 60)

+ Đặc điểm của thơ lục bát (Về số tiếng, số dòng, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, thanh điệu). <u>Gợi ý:</u> Thay vì ghi chép một cách máy móc, em hãy vẽ sơ đồ tư duy với những từ khóa cho mỗi ý. Như vậy, vở ghi của em sẽ sinh động, nhiều màu sắc hơn, giúp em dễ nhớ bài hơn.	
VĂN BẢN 1: NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG	
CHUẨN BỊ ĐỌC	
Để chuẩn bị tâm thế tốt cho phần đọc văn bản, em hãy suy nghĩ và trả lời cho câu hỏi sau: + Cụm từ “vẻ đẹp quê hương” làm cho em nghĩ đến điều gì? + Em có thể đọc một câu thơ hoặc một bài thơ viết về vẻ đẹp quê hương.	Em tự trả lời theo trải nghiệm của bản thân.
I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN	
- Để có sự trải nghiệm sâu sắc, em phải đọc thật kỹ văn bản. Có thể dừng đọc vài phút để thực hiện kỹ năng tưởng tượng theo câu hỏi SGK. - Khi gặp những từ ngữ khó hiểu, em hãy đọc phần chú thích nghĩa của từ ở cuối mỗi trang. Đồng thời, em có thể kết hợp với Từ điển tiếng Việt tra cứu nghĩa của từ. - Trong quá trình đọc, khi thấy những câu hỏi <i>Suy luận</i>, <i>Dự đoán</i>, em tạm dừng để suy ngẫm và tự đánh giá mình hiểu các chi tiết đến mức độ nào.	
II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI	
* Tìm hiểu thể thơ lục bát, đặc điểm của thơ lục bát qua văn bản “Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương”. Em hãy đọc và trả lời câu hỏi 1 phần <i>Suy ngẫm và phản hồi</i> (sách giáo khoa trang 63). <u>Hướng dẫn:</u> (1) Tìm những từ ngữ, hình ảnh nói về kinh thành Thăng Long.	1. Văn bản Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương a. Bài ca dao số 1: - Sự giàu có, nhộn nhịp của kinh thành Thăng Long. + Kinh thành Thăng Long được nhắc đến với rất nhiều phố phường (36 phố phường):

(2) Câu thơ “Phồn hoa thứ nhất Long Thành”/“Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ” gợi lên điều gì? Tác dụng của các từ ngữ, hình ảnh ấy. (3) Câu thơ “Người về nhớ cảnh ngân nga” thể hiện tâm trạng gì của tác giả?	phong phú, đa dạng, đông đúc, nhộn nhịp. Mỗi tên phố đều gắn với một sự vật cụ thể: than, đồng, cờ,... + Câu thơ “Phồn hoa thứ nhất Long Thành”/“Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ” → gợi sự đông đúc, giàu có nhộn nhịp của kinh thành Thăng Long và sự gần gũi trong cách gọi tên phố phường của người Hà Nội. - Tâm trạng của tác giả. + Tự hào về vẻ đẹp, sự giàu sang của kinh thành Thăng Long. + Lưu luyến, nhớ nhung khi phải xa Long Thành. → Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước sâu sắc.
* Tìm hiểu bài ca dao số 2 Em hãy đọc và trả lời câu hỏi 2 phần Suy ngẫm và phản hồi (sách giáo khoa trang 63). <u>Hướng dẫn:</u> (1) Bài ca dao giới thiệu về đẹp gì của quê hương? (2) Từ vẻ đẹp của quê hương cho thấy cảm xúc gì của tác giả? (3) Nhận xét về hình thức nghệ thuật của bài ca dao.	b. Bài ca dao số 2 - Tác giả giới thiệu những địa danh lịch sử, gắn với những chiến công lịch sử oanh liệt của dân tộc: ba lần phá tan quân xâm lược trên sông Bạch Đằng; cuộc khởi nghĩa chống quân Minh của người anh hùng Lê Lợi và nghĩa quân Lam Sơn. - Bài ca dao thể hiện niềm tự hào và tình yêu đối với quê hương, đất nước. → Hình thức hỏi đáp thể hiện sự chia sẻ, vui chơi, giao lưu tình cảm.
* Tìm hiểu bài ca dao số 3 Em hãy đọc và trả lời câu hỏi 3 và 4 phần Suy ngẫm và phản hồi (sách giáo khoa trang 63). <u>Hướng dẫn:</u> (1) Cảm nhận của em về vẻ đẹp của vùng đất Bình Định. Tìm các phép tu từ được sử dụng trong bài ca dao. Nêu tác dụng của các phép tu từ đó.	c. Bài ca dao số 3 - Vẻ đẹp của vùng đất Bình Định: + <i>Núi Vọng Phu</i>. + <i>Đầm Thị Nại</i>. + <i>Cù lao Xanh</i>. + Có các món ăn truyền thống như: bí đỏ nấu canh nước dừa. → Sử dụng phép điệp từ “có” + liệt kê: góp phần nhấn mạnh những nét đẹp đặc trưng của Bình Định, đồng thời nhấn mạnh sự phong

(2) Tâm trạng của tác giả được thể hiện như thế nào qua bài thơ? (3) Hãy chỉ ra đặc điểm của thể thơ lục bát thể hiện qua bài ca dao.	phú về các danh lam thắng cảnh, những nét đặc sắc về văn hóa vùng miền của mảnh đất thượng võ Bình Định. - Tâm trạng tác giả: Tự hào khi nói về mảnh đất Bình Định –vùng đất thượng tôn, thượng võ: lịch sử đấu tranh anh hùng (chiến công của nghĩa quân Tây Sơn ở đầm Thị Nại), của lòng chung thủy, sắt son của người phụ nữ (núi Vọng Phu), của những món ăn dân dã đặc trưng nơi đây.
* Tìm hiểu bài ca dao số 4 Em hãy đọc và trả lời câu hỏi 5 phần Suy ngẫm và phản hồi (sách giáo khoa trang 63). <u>Hướng dẫn:</u> (1) Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện đặc điểm gì của vùng Tháp Mười? (2) Tình cảm của tác giả đối với vùng đất này như thế nào?	d. Bài ca dao số 4 - Vẻ đẹp vùng Tháp Mười: Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện sự trù phú về sản vật mà thiên nhiên đã hào phóng ban tặng vùng Đồng Tháp Mười. - Tình cảm của tác giả: tự hào về sự trù phú của Đồng Tháp Mười.
III. TỔNG KẾT	
* Nội dung: Em hãy nêu nội dung của bốn bài ca dao. *Nghệ thuật: Chỉ ra những đặc sắc nghệ thuật của chùm ca dao.	1. Nội dung. - Ca ngợi vẻ đẹp của mọi miền quê hương, từ Bắc tới Nam.... - Tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước. - Trách nhiệm xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu đẹp. 2. Nghệ thuật. - Thể thơ lục bát truyền thống. - Những hình ảnh giàu sức biểu cảm. - Sử dụng thành công các biện pháp tu từ để làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương, đất nước.
VĂN BẢN 2: VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA	
CHUẨN BỊ ĐỌC	
Để chuẩn bị tâm thế tốt cho phần đọc hiểu văn bản, em hãy suy nghĩ những câu hỏi sau: + Nếu chọn một hình ảnh làm biểu	

tượng cho Việt Nam, em sẽ chọn hình ảnh nào? Vì sao? + Em biết bài thơ hoặc bài hát nào về quê hương?	
I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN	
Khi đọc bài thơ, các em chú ý cách ngắt nhịp, nhận ra được giọng điệu của bài thơ, niềm tự hào của tác giả.	
II. Suy ngẫm và phản hồi	
* Tìm hiểu 4 dòng thơ đầu) - Em hãy đọc và trả lời câu hỏi 1, 2, 3 phần <i>Suy ngẫm và phản hồi</i> (sách giáo khoa trang 65). <u>Hướng dẫn:</u> (1) Ở bốn dòng thơ đầu, tác giả đã nhắc đến những hình ảnh nào của đất nước? (2) Hãy tìm và chỉ ra tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh và biện pháp tu từ mà tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc quê hương. (3) Xác định vần và nhịp của bốn dòng thơ đầu.	1. Vẽ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam (4 dòng thơ đầu) - Trong bốn dòng đầu, tác giả đã chọn những hình ảnh để tái hiện khung cảnh đất nước Việt Nam: cánh đồng lúa <i>mênh mông</i>, cánh cò trắng bay <i>lả rập rờn</i>, mây mờ <i>che đỉnh Trường Sơn</i>. - Biện pháp tu từ nhân hoá: <i>Việt Nam đất nước ta ơi!</i> - Từ láy: <i>mênh mông, rập rờn</i> - Cách gieo vần của 4 câu thơ đầu: ơi - trời; hơn - rờn - son. - Cách ngắt nhịp: câu 1 và câu 3 nhịp 2/2/2, câu 2 và câu 4 nhịp 2/2/2/2 → Những hình ảnh tiêu biểu, đặc trưng của đất nước Việt Nam.
* Tìm hiểu 4 khổ thơ tiếp theo Em hãy đọc và trả lời câu hỏi 4 phần <i>Suy ngẫm và phản hồi</i> (sách giáo khoa trang 65). <u>Hướng dẫn:</u> Em trả lời câu hỏi gợi ý sau: Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh, từ ngữ được dùng để khắc họa vẻ đẹp con người Việt Nam trong 4 khổ thơ tiếp theo.	2. Vẻ đẹp con người Việt Nam (4 khổ thơ tiếp theo) - <i>vất vả in sâu, áo nâu nhuộm bùn</i> → gợi sự vất vả, lam lũ trong lao động. - <i>chìm trong máu lửa, vung đũa đứng lên, đập quân thù</i> → anh hùng, mạnh mẽ, kiên cường trong chiến đấu. - Giản dị, hiền lành. - <i>yêu trọn tâm lòng</i> → thủy chung, khéo léo. - trăm nghề, dệt nghìn bài thơ → chăm chỉ, cần cù. → Những phẩm chất đáng quý của con người Việt Nam.

Em đọc và trả lời <i>câu hỏi 5, 6</i> phần <i>Suy ngẫm và phản hồi</i> (SGK trang 65). <u>Hướng dẫn:</u> Em lần lượt trả lời các câu hỏi gợi ý sau: (1) Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào trong văn bản? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện trực tiếp tình cảm ấy.	3. Tình cảm của tác giả với quê hương, đất nước Tự hào về quê hương, đất nước qua những khung cảnh thiên nhiên và văn hoá, con người như (<i>Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn/Quê hương biết mấy thân yêu</i>), sự đồng cảm với những vất vả, hi sinh của người dân (<i>Bao nhiêu đời đã chịu nhiều đau thương, Mặt người vất vả in sâu</i>). Qua đó thể hiện tình cảm yêu mến, quý trọng với dân tộc.
*Liên hệ Văn bản đã gợi cho em có những suy nghĩ và cảm xúc gì về con người và cảnh sắc quê hương?	
III. TỔNG KẾT	
* Nội dung: Em hãy nêu nội dung chính của văn bản. * Nghệ thuật: Dựa vào đặc điểm của thể thơ lục bát, em hãy nhận xét về nghệ thuật của bài thơ.	1. Nội dung Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, con người Việt Nam, qua đó thể hiện tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước. 2. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát. - Hình ảnh độc đáo. - Biện pháp tu từ.
LIÊN HỆ	
Văn bản đã gợi cho em có những suy nghĩ và cảm xúc gì về con người và cảnh sắc quê hương?	Gợi ý: - Yêu quý, trân trọng những nét đẹp văn hóa, cảnh sắc của quê hương, đất nước. - Yêu quý những vẻ đẹp của con người Việt Nam.
ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: ĐỪNG BÊN NI ĐỒNG, NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...	
Phần hướng dẫn Em liên hệ, kết nối với văn bản <i>Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương và văn bản Việt Nam quê hương ta</i> để hiểu hơn về chủ điểm <i>Vẻ đẹp quê hương</i>	
CHUẨN BỊ ĐỌC	
Em có thể đọc một vài câu ca dao hoặc bài thơ, bài hát về cánh đồng lúa mà em biết.	Em tự trả lời theo trải nghiệm của bản thân.
I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN	

- Em đọc kỹ văn bản <i>Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng....</i> Khi đọc, em chú ý đến những cách hiểu của tác giả Bùi Mạnh Nhị về bài ca dao. - Em đọc phần <i>Trải nghiệm cùng văn bản</i> trong sách trang 67 để hiểu về cách cảm nhận bài thơ của tác giả Bùi Mạnh Nhị. - Em đọc phần chú thích ở cuối trang 67. - Nhận biết hai tác giả: tác giả dân gian, người viết bài ca dao và tác giả Bùi Mạnh Nhị, người viết bài thể hiện cảm nhận về đẹp quê hương trong bài ca dao.	
II. SUY NGÃM VÀ PHẢN HỒI	
Em đọc và trả lời <i>câu hỏi</i> phần <i>Suy ngẫm và phản hồi</i> (SGK trang 67). <u>Hướng dẫn:</u> (1) Theo tác giả Bùi Mạnh Nhị, những hình ảnh đặc sắc nào của quê hương đã được khắc họa qua bài ca dao? (2) Bài viết này đã đề cập đến những nét độc đáo nào về hình thức của bài ca dao? Hai câu cuối có gì đặc biệt về hình thức nghệ thuật và cách thức thể hiện? <i>Thân em như chẽn lúa đòng đòng</i> <i>Phát phơ giữa ngọn nắng hồng ban mai.</i>	1. Nội dung bài viết: a. Cảm nhận về vẻ đẹp của bài ca dao. * Vẻ đẹp về nội dung. Vẻ đẹp cả cánh đồng lúa bao la, trù phú, tốt tươi, đầy sức sống. Trên nền thiên nhiên đó là vẻ đẹp của người con gái thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống. → Hai hình ảnh – cánh đồng và cô gái đã hợp thành bức tranh đồng quê đầy tươi sáng, sinh động. * Vẻ đẹp về hình thức: - Sử dụng các biện pháp nghệ thuật độc đáo: Hai dòng thơ đầu được kéo dài tới 12 tiếng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ như đối xứng, điệp ngữ, điệp từ, ngôn ngữ mang màu sắc địa phương. - Bài ca dao có nhiều cách hiểu ở hai dòng thơ cuối: câu trên 7 tiếng, câu dưới 8 tiếng (Lục bát biến thể). Hai dòng thơ cuối có thể là lời của cô gái nhưng cũng có thể là lời của chàng trai, từ đó tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau về ý nghĩa của câu ca dao (gợi vẻ đẹp e ấp nhưng cũng có thể gợi số phận...).
(3) Bài viết đã thể hiện cảm xúc gì của tác giả khi đọc bài ca dao? Nêu một số chi tiết trong văn bản làm căn cứ cho ý kiến của em.	b. Cảm xúc của tác giả. Yêu mến, trân trọng với vẻ đẹp của thiên nhiên và con người quê hương (chi tiết tác giả nói về cánh đồng: cánh đồng không chỉ rộng lớn, mênh mông mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống; đó chính là con người, là cô thôn nữ thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức

(4) Theo em bài viết thành công ở điểm nào?	sống...). 2. Nét độc đáo của bài viết. - Ngôn ngữ bình dị, không cầu kì, chau chuốt. - Tác giả viết về bài ca dao bằng cảm xúc rất chân thật nên dễ dàng tạo sự đồng điệu với người đọc. → Bài viết là một bài nghị luận văn học chứa đựng cảm xúc và tình yêu văn học dân gian, tình yêu quê hương của tác giả Bùi Mạnh Nhị.
III. TỔNG KẾT	
* Tổng kết Dựa vào kết quả của các hoạt động trên, em hãy tổng kết nội dung, ý nghĩa và nghệ thuật của văn bản.	1. Nội dung: Bài viết diễn tả tình yêu quê hương đất nước sâu sắc, bình dị. 2. Nghệ thuật: Giọng điệu tâm tình tha thiết.
ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: HOA BÌNH	
Phân hướng dẫn - Sau khi học “Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương” và “Việt Nam quê hương ta”, ở phần Đọc mở rộng theo thể loại, em được <i>tự mình thực hành</i> đọc hiểu một bài thơ lục bát. Qua bài thơ “Hoa bình”, các em có thể nắm chắc được kiến thức về thể loại thơ lục bát. - Phân hướng dẫn sẽ đơn giản hơn các văn bản trước để các em rèn luyện kỹ năng đọc, sự sáng tạo cùng tác phẩm. Dựa vào kinh nghiệm đọc hiểu thể thơ lục bát theo đặc trưng thể loại, em hãy tự đánh giá mức cảm thụ văn bản của mình. Từ đó, em có thể tìm đọc thêm nhiều bài thơ lục bát khác để mở rộng vốn hiểu biết.	
CHUẨN BỊ ĐỌC	
* Ôn tập Tri thức đọc hiểu về thơ lục bát (SGK trang 60) Em tự kiểm tra khả năng nhận biết các nội dung sau: - Khái niệm về thơ lục bát . Lục bát biến thể. - Đặc điểm của thơ lục bát + Về cách gieo vần + Về cách ngắt nhịp + Về thanh điệu	
TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN	
- Em thực hiện quy trình đọc như đã hướng dẫn ở văn bản 1. - Tìm hiểu một số nét chính về nhà thơ Nguyễn Đức Mậu.	- Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu: sinh năm 1948 tại xã Nam Điền (Nam Trực), Nam Định. - Trong số các nhà thơ trưởng thành từ kháng chiến chống Mỹ, Nguyễn Đức Mậu có một vị trí đặc biệt với những tác phẩm mang dáng dấp riêng. Thơ ông thiên về tự sự, đầy chất

	lính và rất giản dị, tình cảm. “Nói thì dễ, nhưng làm thơ đạt đến sự giản dị khó vô cùng, nếu không có sự từng trải và đi đến tận cùng”.
SUY NGÂM VÀ PHẢN HỒI	
* Chỉ ra đặc điểm của thơ lục bát trong bài thơ. Em đọc và thực hiện yêu cầu của câu hỏi 1 phần Hướng dẫn đọc trong sách giáo khoa trang 71.	1. Đặc điểm của bài thơ - Bài thơ gồm các cặp câu lục bát - Về cách gieo vần: + Tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó: bìm - tìm, ngơ - hờ, sai - vài, dim - chim, gầy - đầy, tơ - nhờ. + Tiếng thứ tám dòng bát vần với tiếng thứ sáu của dòng lục kế theo: thơ - ngơ, gai - sai, chim - dim, mây - gầy. - Về ngắt nhịp: ngắt nhịp chẵn câu lục ngắt nhịp 2/2/2, câu bát ngắt nhịp 4/4. - Về thanh điệu: có sự phối hợp giữa các tiếng trong một cặp câu lục bát: các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8 đều tuân thủ chặt chẽ theo quy định: tiếng thứ 2 là thanh bằng, tiếng thứ 4 thanh trắc, tiếng thứ 6 và 8 là thanh bằng.
* Xác định tình cảm của tác giả đối với quê hương. Em đọc và thực hiện yêu cầu của câu hỏi 2 phần Hướng dẫn đọc trong sách giáo khoa trang 71.	2. Tình cảm của tác giả Tác giả đã thể hiện tình cảm với quê hương khi gọi nhắc lại những kỉ niệm của tuổi thơ, những hình ảnh giản dị, đời thường gắn với cuộc sống thường ngày. Qua đó thấy được tâm trạng nhớ thương da diết, mong được trở về quê hương yêu dấu và tình yêu quê hương tha thiết của nhà thơ.
* Tìm nét nghệ thuật độc đáo của bài thơ. Em đọc và thực hiện yêu cầu của câu hỏi 3 phần Hướng dẫn đọc trong sách giáo khoa trang 71.	3. Nghệ thuật - Thể thơ lục bát. - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ: nhân hóa, điệp từ, liệt kê...

* Tự học (dù có tài liệu hướng dẫn) đối với các em vẫn có nhiều trở ngại. Trong điều kiện khó khăn hiện tại, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân, các em còn có sự hỗ trợ từ người lớn. Vì vậy, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, các em mạnh dạn ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các vấn đề chưa hiểu rõ của mình gửi cho thầy cô phụ trách bộ môn để nhận được sự giảng giải cụ thể hơn. Chúc các em đạt được kết quả tốt!

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung bài học và bài tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ Văn (Phần Đọc)	Phần bài học:	1. 2. 3.
Ngữ Văn (Phần Viết)	Phần bài tập:	1. 2. 3.
...		

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC
MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 6

Bài 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG (tt)

TIẾNG VIỆT- VIẾT - NÓI VÀ NGHE - ÔN TẬP

Phần hướng dẫn - Dưới đây là phiếu hướng dẫn học tập. Phiếu gồm có 2 cột: một, <u>hướng dẫn học tập</u> và hai là <u>phần ghi, làm bài</u> . - Học sinh đọc kỹ và thực hiện theo yêu cầu ở phần Hướng dẫn học tập , sau đó ghi và làm bài vào vở.	
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP	GHI BÀI
A. ĐỌC	TRI THỨC TIẾNG VIỆT VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
TRI THỨC TIẾNG VIỆT	
HS mở SGK trang 62 đọc phần Tri thức tiếng Việt về lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.	- Khi nói hoặc viết, người nói (viết) thường phải huy động vốn từ ngữ đã được tích lũy để lựa chọn những từ ngữ phù hợp nhất với việc thể hiện nội dung của văn bản. - Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết: + Xác định nội dung cần diễn đạt; + Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nội dung muốn thể hiện; + Chú ý khả năng kết hợp hài hòa giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ được sử dụng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn) văn. - Tác dụng: Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả mà người nói (viết) muốn thể hiện.
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT	
- Giáo viên yêu cầu HS xem lại phần Tri thức tiếng Việt về lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.	I. Lý thuyết 1. Thơ và yêu cầu khi sáng tác thơ. - Thơ: là khái niệm chỉ các loại sáng tác văn học có vần điệu, có đặc điểm ngắn gọn, súc tích, nhiều ý cô đọng... - Sáng tác thơ. * Nội dung:

- Em hãy vận dụng lý thuyết để hoàn thành những bài tập 1, 2, 3, 4 trong SGK/ 69, 70 vào vở. Viết ngắn Đề bài: Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết <u>một đoạn văn</u> (khoảng 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem. + Giáo viên gợi ý: * Về nội dung: Giới thiệu về vẻ đẹp quê hương, đất nước. * Về hình thức: Viết hoàn chỉnh đoạn văn, biết lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn cảnh.	- Thể hiện được cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị... về cuộc sống. * Nghệ thuật: - Ngôn ngữ: hàm súc, gợi hình gợi cảm. - Sử dụng các biện pháp tu từ để tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị (nhân hóa, so sánh, ẩn dụ...). - Sử dụng vần, nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ. 2. Thơ lục bát và đặc điểm thơ lục bát (Tri thức đọc hiểu) II. Thực hành - HS hoàn thành bài tập vào vở. - HS hoàn thành đoạn văn vào vở.
B. PHẦN VIẾT	VIẾT LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT
Em tập làm một bài thơ lục bát nói về chủ đề quê hương.	
I. PHÂN TÍCH KIỂU VĂN BẢN.	
HS mở SGK trang 72 đọc văn bản <i>Chăn trâu đốt lửa</i> và trả lời các câu hỏi sau: H: Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như	1. Ngữ liệu: Bài thơ <i>Chăn trâu đốt lửa</i> a. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: "Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro" khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ

thể có tác dụng gì?

H: Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra cách hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau:

Tiếng/ Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục								
Bát								
Lục								
Bát								

H: Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?

H: Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?

H: Theo em, nét độc đáo của bài thơ này là gì?

H: Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?

lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc băng khuâng của nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.

b. Cách hiệp vần và phối thanh của thơ lục bát.

+ Sự hiệp vần: *đồng – đông, nhiều – điều – chiều.*

+ Bảng phối thanh:

Tiếng/ Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục	B	B	T	T	B	B		
Bát	T	B	B	T	T	B	B	B
Lục	T	B	T	T	B	B		
Bát	T	B	T	T	T	B	B	B

c. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người: chăn trâu, thả diều, nướng khoai gió đông hay hoàng hôn → chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.

d. Cảm xúc của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, thả diều, nướng khoai, qua cảm nhận về “gió đông”, về khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông.

e. Bài thơ có nét độc đáo trong nghệ thuật: phép đối giữa ít/nhiều, ra/rơm (hữu hình) với gió đông (vô hình); sự liên tưởng độc đáo: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.

f. Cách làm thơ lục bát về vần, nhịp, thanh điệu: bài thơ có các câu lục và câu bát xen kẽ, tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất. Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai.

II. LUYỆN TẬP

Sáng tác thơ lục bát.

- GV hướng dẫn quy trình làm thơ bằng

cách yêu cầu HS thực hiện các bước sau đây: Bước 1. Xác định đề tài. Đề tài đó có thể là cảm xúc, suy tư về những cái ta nhìn thấy, cảm nhận, tưởng tượng. Bước 2. Tìm ý tưởng cho bài thơ. - Nhớ lại những sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên đã để lại cho em cảm xúc sâu sắc. - Suy nghĩ về cảm xúc mà em muốn chia sẻ, muốn viết ra. - Liệt kê bất cứ từ ngữ, hình ảnh, ý tưởng nào nảy sinh trong đầu về điều em định viết. Bước 3: Làm thơ lục bát Bước 4: Chỉnh sửa và chia sẻ.	- HS hoàn thành bài văn vào tập.
C. NÓI VÀ NGHE	NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT
I. YÊU CẦU CHUNG	
Em hãy mở SGK trang 79, đọc và trả lời các câu hỏi sau: H: Bài nói nhằm mục đích gì? H: Người nghe có thể là ai?	<i>* Với người nói:</i> <i>* Với người nghe:</i>
II. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN	
Em hãy đọc SGK trang 78, 79 và cho biết: Theo em có mấy bước thực hiện một bài trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát? Đó là những bước nào? Hướng dẫn Các bước thực hiện: 4 bước: - Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói. - Tìm ý và lập dàn ý. - Luyện tập và trình bày. - Trao đổi, đánh giá. Em hãy trả lời các câu hỏi sau: - Em định trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát nào? Bài thơ đó viết về đề tài	I. Các bước thực hiện. Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.

- Thời gian trình bày vào lúc nào? (trong tiết học chính khóa hay ngoại khóa về thơ lục bát...).

II.Trình bày chính thức.

ÔN TẬP

- HS trả lời theo cảm nhận riêng của bản thân.

nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất (ngân – gần) . Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai (xa- hoa -là). Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thanh bằng thanh trắc trong bài thơ.

- Về ngôn ngữ: từ ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi, diễn tả cảnh thuyền buồm tập nập trên dòng sông Tô.

- Tác giả còn sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hoá (thuyền buồm chạy gần chạy xa), so sánh (Lướt qua lướt lại như là bướm bay) khiến cho cảnh vật trở nên gần gũi, thân quen với con người.